BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 8378 /QĐ-BCA	*Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an tại Tờ trình số 5418/V04-P2 ngày 06 / 10 /2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 6266/QĐ-BCA ngày 13/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 3. Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an, Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ; Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Như Điều 3;
- Cổng dịch vụ công Bộ Công an (để công khai);
- Lưu: VT, V04.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang

DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CÓ KHẢ NĂNG GÂY MẤT AN TOÀN THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG AN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 8378/QĐ-BCA ngày 14 tháng 10 năm 2025)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã HS	Quy chuẩn/Tiêu chuẩn áp dụng	Căn cứ để kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá
I	**Lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ**			- Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, thử nghiệm, kiểm định, giám định của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký hoạt động và được chỉ định: + Đối với sản phẩm, hàng hóa đã ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là quy chuẩn kỹ thuật. + Đối với sản phẩm, hàng hóa chưa ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực an ninh hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng.
1	Máy bơm chữa cháy các loại	8413.19.10 8413.19.20 8413.70	QCVN 03/BCA	
2	Bơm của hệ thống chuyên dùng	8413.91.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
3	Vòi chữa cháy:		QCVN 03/BCA	
	Vòi đẩy chữa cháy *(có lớp ngoài bằng vải, lớp bên trong bằng cao su hoặc nhựa tổng hợp, kích thước từ DN40 mm đến 150 mm)*	5909.00.10		
	Các loại vòi chữa cháy khác *(mặt hàng là ống vòi bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng)*	4009.11.00 4009.12.90 4009.21.90 4009.22.90 4009.31.91 4009.31.99 4009.32.90 4009.41.90 4009.42.90		
4	Lăng chữa cháy	8424.90.99	QCVN 03/BCA	

5	Đầu nối	73.07 74.12 7609.00.00	QCVN 03/BCA	- Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, thử nghiệm, kiểm định, giám định của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký hoạt động và được chỉ định: + Đối với sản phẩm, hàng hóa đã ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là quy chuẩn kỹ thuật. + Đối với sản phẩm, hàng hóa chưa ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực an ninh hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng.
6	Trụ nước chữa cháy	8481.80	QCVN 03/BCA	
7	Bình chữa cháy các loại *(sản phẩm gồm bình chứa, có chất chữa cháy (khí, nước, bột, bọt, sol-khí) bên trong, có bộ phận kích hoạt bằng tay hoặc bằng điện hoặc bằng va đập cơ học, giúp giải phóng chất chữa cháy trong bình dập tắt đám cháy không sử dụng cho các phương tiện bay)*	8424.10.90	QCVN 03/BCA	
8	Chất chữa cháy các loại	3813.00.00	QCVN 03/BCA TCVN 7161	
9	Tủ trung tâm báo cháy	8537.10.99	QCVN 03/BCA	
10	Đầu báo cháy các loại	8531.10.20 8531.10.30 8531.90.90	QCVN 03/BCA	
11	Chuông báo cháy	8531.80.19	QCVN 03/BCA	
12	Đèn báo cháy	8531.80.90	QCVN 03/BCA	
13	Nút ấn báo cháy	8531.90.90 8536.50.51 8536.50.59 8536.50.61 8536.50.69 8536.50.96 8536.50.99	QCVN 03/BCA	
14	Tủ điều khiển chữa cháy	8531.90.90 8537.10.99	QCVN 03/BCA	

15	Chuông cảnh báo xả chất chữa cháy; Còi cảnh báo xả chất chữa cháy	8531.80.19	TCVN 7568-3	- Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, thử nghiệm, kiểm định, giám định của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký hoạt động và được chỉ định: + Đối với sản phẩm, hàng hóa đã ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là quy chuẩn kỹ thuật. + Đối với sản phẩm, hàng hóa chưa ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực an ninh hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng.
16	Đèn cảnh báo xả chất chữa cháy; Bảng hiển thị cảnh báo xả chất chữa cháy	8531.20.00 8531.80.21 8531.80.29 8531.80.90	TCVN 7568-23 TCVN 7722-2-22	
17	Van báo động; Van tràn ngập	8481.40.90	QCVN 03/BCA	
18	Ống phi kim loại dùng trong hệ thống cấp nước chữa cháy tự động	3917.21.00 3917.23.00	QCVN 03/BCA	
19	Ống mềm dùng cho đầu phun chữa cháy	8307.10.00	QCVN 03/BCA	
20	Họng tiếp nước chữa cháy (Họng chờ)	8481.80	TCVN 5739	
21	Đầu phun chất chữa cháy các loại	8424.90.99	QCVN 03/BCA	
22	Chai, thiết bị chứa khí, sol-khí, bột, bọt, chất chữa cháy gốc nước các loại *(gồm vỏ làm bằng thép, sơn màu đỏ, trong chứa chất khí chữa cháy; van xả, điều khiển xả khi được kết nối với hệ thống ống dẫn, bộ kích hoạt có thể kích hoạt bằng tay hoặc tự động nhận tín hiệu báo cháy để kích hoạt mở van xả, chai, thiết bị chữa khí sol-khí, bột, bọt, chất chữa cháy gốc nước các loại không sử dụng cho thiết bị bay)*	8424.10.90	QCVN 03/BCA	
23	Đèn chiếu sáng sự cố; Đèn chỉ dẫn thoát nạn	9405.11.99 9405.19.92 9405.19.99 9405.61.90 9405.69.90	QCVN 03/BCA	

24	Mặt nạ lọc độc; Mặt nạ phòng độc cách ly	9020.00.00	EN 403 TCVN 13332 EN 137 EN144	- Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, thử nghiệm, kiểm định, giám định của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký hoạt động và được chỉ định: + Đối với sản phẩm, hàng hóa đã ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là quy chuẩn kỹ thuật. + Đối với sản phẩm, hàng hóa chưa ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực an ninh hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng.
II	**Súng thể thao**			
1	Súng trường hơi	9303.30.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
2	Súng trường bắn đạn nổ	9303.30.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
3	Súng ngắn hơi	9303.20.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
4	Súng ngắn bắn đạn nổ	9303.20.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
5	Súng thể thao bắn đạn sơn	9303.20.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
6	Súng bắn đĩa bay	9303.30.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
7	Đạn sử dụng cho các loại súng thể thao	9306.30.30	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
III	**Pháo hoa**			
1	Pháo hoa các loại	3604.10.00	QCVN 04/BCA	

IV	**Súng công cụ hỗ trợ**			
1	Súng bắn hơi ngạt	9304.00.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	- Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, thử nghiệm, kiểm định, giám định của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký hoạt động và được chỉ định: + Đối với sản phẩm, hàng hóa đã ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là quy chuẩn kỹ thuật. + Đối với sản phẩm, hàng hóa chưa ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực an ninh hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng.
2	Súng bắn chất độc	9304.00.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
3	Súng bắn chất gây mê	9304.00.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
4	Súng bắn điện	9302.00.90	TCCS 83:2021/BCA	
5	Súng bắn từ trường	9304.00.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
6	Súng bắn laze	9304.00.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
7	Súng bắn lưới	9304.00.90	TCCS 112:2022/BCA	
8	Súng phóng quả nổ nghiệp vụ	9301.20.00	TCCS-AN 03:2018	
9	Súng phóng dây mồi	9303.90.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
10	Súng bắn đạn cao su, hơi cay, đạn nổ, đạn nhựa	9303.90.90	TCCS-AN 70:2020	
11	Súng bắn pháo hiệu	9303.20.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	

12	Súng bắn đạn đánh dấu	9303.90.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
13	Đạn dùng cho các loại súng công cụ hỗ trợ	9306.90.10	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
V	**Công cụ hỗ trợ**			
1	Bình xịt hơi cay	9304.00.90	TCVN-AN 083:2016 TCVN-AN 121:2017 TCVN-AN 122:2017	- Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, thử nghiệm, kiểm định, giám định của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký hoạt động và được chỉ định: + Đối với sản phẩm, hàng hóa đã ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là quy chuẩn kỹ thuật. + Đối với sản phẩm, hàng hóa chưa ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực an ninh hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng.
2	Bình xịt hơi ngạt	9304.00.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
3	Bình xịt chất độc	9304.00.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
4	Bình xịt chất gây mê	9304.00.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
5	Bình xịt chất ngứa	9304.00.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
6	Lựu đạn khói	9306.90.10	TCCS-AN 06:2018	
7	Lựu đạn cay	9306.90.10	TCCS-AN 05:2018	
8	Quả nổ	9306.90.10	TCVN-AN 116:2017	
9	Dùi cui điện	9304.00.90	TCCS 82: 2021/BCA	

10	Bàn chông	7317.00.30	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	- Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, thử nghiệm, kiểm định, giám định của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký hoạt động và được chỉ định: + Đối với sản phẩm, hàng hóa đã ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là quy chuẩn kỹ thuật. + Đối với sản phẩm, hàng hóa chưa ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực an ninh hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng.
11	Dây đinh gai	7317.00.30	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
12	Găng tay điện	4203.21.90 hoặc 4203.29.90 6116.99.00 6216.00.99 6116.93.00	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
13	Găng tay bắt dao	4203.21.90 hoặc 4203.29.90 6116.99.00 6216.00.99 6116.93.00	TCCS-AN 55:2019	
14	Áo giáp chống đâm	6210.10.90 hoặc 6210.50.90 6211.42.90 6211.43.90 6211.49.90	TCCS-AN 072:2016	
15	Áo giáp chống đạn	6210.10.90 hoặc 6210.50.90 6211.42.90 6211.43.90 6211.49.90	TCVN – AN 013:2011,	
16	Lá chắn chống đạn	3926.90.41	TCVN – AN 045:2013	
17	Mũ chống đạn	6506.10.30	TCCS-AN 076:2016	

		6506.10.90		
18	Thiết bị áp chế bằng âm thanh	8543.70.90 8518.50.10 8518.50.20 8518.50.90	Tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	- Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, thử nghiệm, kiểm định, giám định của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký hoạt động và được chỉ định: + Đối với sản phẩm, hàng hóa đã ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là quy chuẩn kỹ thuật. + Đối với sản phẩm, hàng hóa chưa ban hành quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ kiểm tra chất lượng là tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực an ninh hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng.
VI	**Thiết bị đảm bảo an ninh, an toàn**			
1	Thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe	8525.81.10 8525.81.20 8525.81.90 8525.82.10 8525.82.20 8525.82.90 8525.83.10 8525.83.20 8525.83.90 8525.89.10 8525.89.20 8525.89.30 8525.89.90	QCVN 06/BCA	